TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: **10**/2024/HNGĐ-PT Ngày 16 tháng 4 năm 2024 *(V/v chia tài sản sau xin ly hôn)*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm Phán: - Ông **Hà Thanh Hùng**

- Bà **Hoàng Thị Hải Hà**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hứa Như Nguyện** – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Màu** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 14/3/2024 và 16/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 37/2023/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc *"chia tài sản sau ly hôn"*.

Do bản án HNGĐ sơ thẩm số: 215/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm H1**, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C . (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Hoàng B1, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Đường H, Khóm 6, Phường 6, thành phố C, tỉnh C ., là người đại diện của bà H1 theo văn bản uỷ quyền ngày 04/10/2022 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trần Việt H2**, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C . (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Long H5, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, là người đại diện của ông H2 theo văn bản uỷ quyền ngày 11/3/2024 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Kim Chan Đa R, sinh năm 1987; Là Luật sư của Công ty TNHH Luật Sống – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Lâm H3**, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh C ..

+ Ông **Lâm Văn T**, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của ông T: Bà Du Thị B2, sinh năm 1980 là Luật sư của Văn phòng Luật sư Mũi Cà Mau – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Ông **Bùi Tiền H4**, sinh năm 1995; Ông **Ngô Cao C**, sinh năm 1986; Cùng nơi công tác: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Tân.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Việt H2 là nguyên đơn, ông Lâm Văn T là người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lâm H1 và ông Trần Việt H2 thuận tình ly hôn, tại quyết định Công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân về phần tài sản chung không đặt ra.

Về tài sản bà H1, ông H2 xác định có một phần đất và căn nhà xây dựng cơ bản trên đất, theo đo đạc thực tế diện tích đất 166,4m^2 đã có giấy chứng nhận QSDĐ do hai người đứng tên, theo kết quả định giá là 2.224.603.420 đồng, hiện ông H2 đang quản lý.

Một phần đất ở ấp Cái Đôi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân diện tích 960 m^2 (theo đo đạc thực tế là 1033,6m^2), thuộc thửa 873, tờ bản đồ số 3, do ông H2 đứng tên quyền sử dụng đất, theo kết quả định giá là 2.016.000.000 đồng (phần dư 73,6m^2 chưa định) hiện cũng do ông H2 quản lý.

Về nợ chung: Bà H1 và ông H2 có nợ bà Lâm H3 với số vàng là 50 chỉ vàng 24K.

- Bà H1 yêu cầu giao phần đất và căn nhà cất trên đất giao cho ông H2 tiếp tục sử dụng, sở hữu, ông H2 hoàn cho bà giá trị bằng 1 tỷ đồng, còn phần đất chia mỗi người 1/2 sau khi Toà án đã giải quyết tranh chấp giữa ông H2 với ông T, số nợ bà Lâm H3 mỗi người trả ½ bằng 25 chỉ vàng 24K.

- Ông H2 yêu cầu đối với phần đất và căn nhà cất trên đất thời điểm trước khi ly hôn bà H1 bỏ nhà đi không lo cho chồng con nên ông chỉ đồng ý chí cho bà 800 triệu đồng, còn phần đất do ông là người mua không liên quan đến bà H1 nên khong đồng ý chia, đối với phần nợ ông đồng ý mỗi người trả cho bà Lâm H3 ½ bằng bằng 25 chỉ vàng 24K. Riêng đối với phần đất hiện nay ông Lâm Văn T đang tranh chấp với ông, ông xác định không hùn hạp với ông T để mua hai phần đất này nên ông không đồng ý theo yêu cầu của ông T.

Ông Lâm Văn T trình bày: Trước đây vào khoảng năm 2004, 2005 ông và ông H2, bà H1 hai bên thỏa thuận cùng chuyển nhượng chung phần đất với diện tích 960m^2 và thống nhất để cho ông H2 đứng tên quyền sử dụng đất với giá chuyển nhượng một mét ngang là 07 chỉ vàng 24K, 12m ngang là 8,4 lượng vàng 24K (chuyển nhượng bằng vàng), quá trình giao vàng ông không giao trực tiếp cho ông Hồng và bà Hen mà ông giao cho cha ông là ông Lâm Phước (đã chết) và nhờ ông

Phước giao lại cho ông Hồng và bà Hen, phần đất ông nhận chuyển nhượng của ông Lữ Văn Hướng. Khi chuyển nhượng xong ông có nhờ ông H2 đứng tên quyền sử dụng đất. Vào ngày 09/7/2020 ông có làm giấy thỏa thuận với nội dung phân chia lại phần đất có bà H1 và ông H2 ký tên. Ông H2 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào khoảng tháng 6 năm 2020 cho ông cất giữ. Nay ông yêu cầu ông H2 và bà H1 trả lại cho ông phần đất với diện tích 480m^2. Hiện tại giấy chứng nhận QSDĐ phần tranh chấp này ông đang quản lý, nhưng ông H2 lại yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, do đó ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp sau cho ông H2.

Bà Lâm H3 trình bày: Bà H1 và ông H2 có mượn của bà 50 chỉ vàng 24K. Nay bà yêu cầu ông H2 và bà H1 trả cho bà số vàng này.

*Ông C và ông H4 trình bày:*Vào năm 2021 các ông với ông Lâm Tỷ có thỏa thuận, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất hiện ông H2 và ông T đang tranh chấp. Qua việc thông báo của Tòa án về việc tranh chấp như trên thì các ông với ông T đã bàn bạc, thỏa thuận và tự hòa giải thống nhất với nhau xong. Còn việc tranh chấp giữa ông T với ông H2 thì các ông không có ý kiến gì khác, các ông xin không tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án.

Từ nội dung trên, tại Bản án HNGĐ sơ thẩm số: 215/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân Quyết định:

1. Về tài sản chung:

Giao cho ông Trần Việt H2 toàn bộ phần đất diện tích 102,5m^2, đo đạt thực tế là 166,4m^2, được ghi nhận tại thửa số 41, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, đã được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/10/2013, do ông Trần Việt H2 và bà Lâm hen đứng tên, cùng với phần nhà chính, nhà tạm, nhà vệ sinh, vật kiến trúc khác, tọa lạc trên đất (nhà, đất và các công trình, vật kiến trúc trên đất có tổng giá trị là 2.000.000.000 đồng).

Buộc ông Trần Việt H2 giao trả cho bà Lâm H1 tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng (1/2 giá trị đất và nhà).

Giao cho ông Trần Việt H2 ½ diện tích 960m^2, đo đạt thực tế là 1.033,6m^2, được ghi nhận tại thửa số 572, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại tọa lạc tại ấp Cái Đôi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/11/2020, do ông Trần Việt H2 đứng tên (phần đất có tổng giá trị là 2.170.560.000 đồng). Có diện tích là 516,9m^2, vị trí cụ thể như sau: Cạnh ngang từ M2 đo qua M1 là 12,1m giáp đường Phan Ngọc Hiển; Từ M3 đo qua M4 có chiều dài là 12,02m giáp đất ông Lữ Văn Hướng, cạnh dài từ M2 đến M3 có chiều dài 42,92m giáp phần đất bà Đặng Thị Minh Hoàng, cạnh dài từ M2 đo qua M1 là 12,1m kéo dài xuống canh M3 đo qua M4 là 12,02m có độ dài là 43,05m.

Giao cho bà Lâm H1 ½ diện tích 960m^2, đo đạt thực tế là 1.033,6m^2, được ghi nhận tại thửa số 572, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại tọa lạc tại ấp Cái Đôi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã được Ủy ban nhân dân huyện

Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/11/2020, do ông Trần Việt H2 đứng tên (phần đất có tổng giá trị là 2.170.560.000 đồng). Có diện tích là 516,7m^2, vị trí cụ thể như sau: Cạnh ngang từ M1 đo qua M2 là 12m giáp đường Phan Ngọc Hiển; Từ M4 đo qua M3 có chiều dài là 12,02m giáp đất ông Lữ Văn Hướng, cạnh dài từ M1 đến M4 có chiều dài 43,22m giáp phần đất ông Lữ Hoàng Hiền, cạnh dài từ M1 đo qua M2 là 12m kéo dài xuống canh M4 đo qua M3 là 12,02m có độ dài là 43,05m.

(Tứ cạnh có trích đo hiện trạng kèm theo).

Ông Trần Việt H2 và bà Lâm H1 liên hệ cơ quan có thẩm quyền thèo thủ tục tách Giấy chứng nhận theo quy định.

Kể từ ngày bà Lâm H1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Việt H2 chậm trả số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Văn T yêu cầu ông Trần Việt Hồng và bà Lâm H1 trả lại cho ông T phần đất có diện tích 480m^2, trong phần đất có diện tích 960m^2, đo đạc thực tế là 1.033,6m^2, được ghi nhận tại thửa số 572, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại tọa lạc tại ấp Cái Đôi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/11/2020, do ông Trần Việt H2 đứng tên.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà Lâm H3 về việc yêu cầu ông Trần Việt H2 và bà Lâm H1 trả 50 chỉ vàng 24K.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 03/10/2023 ông T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông.

- Ngày 05/10/2023 ông H2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu của bà H1, ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bảo vệ quyền lợi cho ông T cho rằng hiện nay ông T đang quản lý giấy chứng nhận QSDĐ và giấy thoả thuận ghi rõ mỗi người sử dụng 480m^2 ông H2 ký thoả thuận hoàn toàn minh mẫn, trong thời gian này ông H2 có đơn cớ mất và xin cấp lại QSDĐ, lại càng chứng minh rõ ông hoàn toàn minh mẫn, hiện tại ở các huyện tuy cấp giấy đứng tên vợ hoặc chồng thì đều là tài sản chung của vợ chồng, nên kiến nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông T.

Người bảo vệ và người đại diện cho ông H2 cho rằng: Tại đơn khởi kiện bà H1 xác định vợ chồng có 480m^2 đất nên yêu cầu chia đôi mỗi người nhận ½ bằng 240m^2 sau đó bà lại yêu cầu chia 960m^2 là không phù hợp. Đối với tranh chấp đất của ông T, ông H2 mua đất của hai người là ông Hướng và ông Trí ở hai vị trí khác nhau, đến năm 2009 đổi đất nhập thửa ông T không biết, ông T đưa vàng mua đất cho cha ông, cha ông đưa vàng cho ông H2 đều không có chứng cứ chứng minh, hiện tại cha ông T đã chết, còn giấy thoả thuận do ông T viết nhưng vị trí và số

thửa đất đều không đúng với vị trí, thửa đất tranh chấp, nên không có chứng cứ thể hện ông T hùn mua đất với ông H2. Việc ông H2 mua đất, nguồn tiền mua bà H1 không biết cũng không quản lý đất, điều này chứng minh đây là tài sản riêng của ông H2, nên kiến nghị chấp nhận kháng cáo của ông H2.

Ông B1 cho rằng: Bà H1 cũng bị bệnh nhưng ông H2 không lo cho bà H1 nên bà H1 mới ly hôn, còn tài sản ban đầu vợ chồng giao cho con tên Đạt nhưng khi về ông H2 không đồng ý nên Toà án chỉ ra quyết định công nhận ly hôn mà chưa phân chia tài sản kiến nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, kiến nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm số: 215/2023/HNGĐ-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, về nội dung đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo được ông T và ông H2 thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, HĐXX xem xét kháng cáo của các ông theo quy định. Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật TTDS.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T:

Chứng cứ ông T cung cấp cho rằng ông có hùn mua với ông H2: Ông giao vàng cho cha ông là ông Lâm Phước giao lại cho ông H2 không giấy tờ thể hiện việc giao tiền, ông H2 đã giao cho ông quản lý giấy chứng nhận QSDĐ, ngày 09/7/2020 ông viết giấy thoả thuận mỗi người 480m^2 đưa ông H2 ký tên xác nhận.

Chứng cứ ông H2 cung cấp cho rằng ông T không hùn mua đất: Ông không nhận tiền vàng gì của ông T, cũng như ông Lâm Phước để mua đất cho ông T; Giấy chứng nhận QSDĐ của ông do vợ ông lấy đưa cho ông T lúc ông bệnh đi mổ trên Sài Gòn; Giấy thoả thuận ngày 09/7/2020 mỗi người 480m^2 do ông T viết đưa ông ký thì vị trí, số thửa đất không phải là phần đất mà ông T yêu cầu ông trả; Giấy này ông viết khi ông mới mổ ung thư cắt bàng quang về, lúc đó vợ ông quản lý hết tiền lại bỏ nhà đi, ông đang khó khăn về kinh tế nên ông T đưa kêu ký tên cho ông mượn 100.000.000đ, do ông tin tưởng không đọc lại nên đã ký tên, sau đó ông T cũng không đưa tiền cho ông.

Đánh giá chứng cứ mà hai bên cung cấp nhận thấy không có chứng cứ ông T giao tiền, vàng nhờ ông H2 sang nhượng đất; Giấy chứng nhận QSDĐ hai bên đang tranh chấp ai là người giao cho ông T giữ không xác định được; Thực tế ông T là người quản lý giấy chứng nhận QSDĐ, mặc dù hiện nay ông H2 đã cớ mất giấy và được cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ mới; Đối với giấy thoả thuận ngày 09/7/2020 thể hiện mỗi người 480m^2 do ông T viết đưa ông H2 ký, tuy trong đó vị trí và số thửa đất không đúng với vị trí và thửa đất trong giấy chứng nhận QSDĐ nhưng điều này thể hiện ý chí của ông H2 về việc ông T có hùn mua đất với ông

H2; Việc ông H2 cho rằng khi ký giấy thoả thuận ông hoàn toàn không minh mẫn là không có căn cứ bởi sau khi mổ trạng thái ổn định bệnh viện mới cho xuất viện, do đó có căn cứ xác định ông T có hùn mua đất với ông H2, nên kháng cáo đòi đất của ông T được xem xét chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông H2: Việc ông H2 cho rằng quá trình vợ chồng ly hôn năm 2021 ông với bà H1 đã thoả thuận ông nhận căn nhà còn bà H1 chỉ chia một nửa khoản tiền tiết kiệm 450.000.000đ gởi Ngân hàng, hai người đã thực hiện xong thoả thuận này, bà H1 đã rút tiền Ngân hàng phân chia xong, đã ra đi giao lại căn nhà cho ông quản lý sử dụng cho đến nay. Toà án tiếp tục phân chia cho bà H1 ½ giá trị căn nhà bằng 1.000.000.000đ là không hợp lý, tuy nhiên ngoài lời trình bày này của ông H2 ra thì ông không còn chứng cứ nào khác chứng minh cho việc vợ chồng thoả thuận phân chia căn nhà như ông đã trình bày, trong khi đó ông B1 là người đại diện cho bà H1 không thừa nhận thoả thuận có sự phân chia căn nhà như ông H2 trình bày, hơn nữa theo lời khai của anh Duy con ông H2 cũng xác định ông H2, bà H1 chỉ thoả thuận và đã phân chia xong khoản tiền tiết kiệm gởi Ngân hàng, do đó việc ông H2 kháng cáo không đồng ý phân chia căn nhà và phần đất gắn liên với căn nhà không được chấp nhận.

Đối với phần đất ở ấp Cái Đôi Nhỏ, ông H2 cho rằng nguồn tiền mua là do ông tạo ra, giấy chứng nhận QSDĐ chỉ đứng tên cá nhân ông, do đó đất này là của cá nhân ông nên không đồng ý phân chia cho bà H1, tuy nhiên phần đất này được tạo ra trong giai đoạn bà H1, ông H2 đang tồn tại quan hệ vợ chồng hợp pháp, theo quy định tại Điều 33, Luật HNGĐ thì tài sản tạo ra trong giai đoan hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng, quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tái sản chung của vợ chồng, nên cấp sơ thẩm phân chia đôi cho hai người là phù hợp, do đó kháng cáo của ông H2 về vấn đề này cũng không được chấp nhận.

[4] Về việc phân chia đất: Theo bản trích đo hiện trạng ngày 09/6/2022 vị trí thửa đất được giới hạn bởi các mốc M1,M2,M3,M4; Cạnh mặt tiền M1,M2 tiếp giáp đường Phan Ngọc Hiển có số đo 24,10m, mặt hậu M3,M4 có số đo 24,04m ông T và vợ chồng ông H2 bà H1 mỗi bên được chia 1/2 , chiều dài hết đất trong phạm vi đo vẽ. Phần ½ của ông H2, bà H1 được chia đôi theo cách phân chia tương tự.

[5] Quá trình tạm ngừng phiên toà thu thập chứng cứ phát sinh phần đất 960m^2 tại ấp Cái Đôi Nhỏ bị UBND huyện Phú Tân thu hồi 76m^2, theo Quyết định số 4681/QĐ-UBND ngày 22/11/2023, và Quyết định phê duyệt giá đất số 485/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện Phú Tân, ngoài ra ông H2 còn cung cấp giấy hẹn nhận kết quả chứng chỉ quy hoạch đối với phần đất phân chia vào ngày 09/5/2024, do phân chia đất cho tất cả các bên là đảm bảo khi đất bị thu hồi của ai người đó sẽ được hưởng trên diện tích đất mình bị thu hồi, nên việc thu hồi hay đất thuộc quy hoạch sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm Sát tham gia phiên tòa kiến nghị huỷ án sơ thẩm để xét xử lại, do cần thẩm định giá trị phần đất các bên tranh chấp vì đây là đất nuôi trồng thuỷ sản, giá trị thẩm định cao hơn rất nhiều so với giá đất nhà nước thu hồi, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên. Quyết định thu hồi đất

chưa xác định thu hồi tại vị trí nào cần đo vẽ lại cho cụ thể. Cần phải có chứng chỉ quy hoạch, như nhận định trên của HĐXX phân chia đất cho các bên sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên việc huỷ án sơ thẩm là không cần thiết.

[6] Về án phí: Án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu theo giá trị tài sản được phân chia. Áp phí phúc thẩm: Ông T không phải chịu; Ông H2 được miễn nộp án phí sơ và phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 BLTTDS.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực, HĐXX không xem xét đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 148; khoản 2, Điều 308, Bộ luật TTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Việt H2; Chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn T. Sửa bản án HNGĐ sơ thẩm số: 215/2023/HNGĐ-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tuyên xử:

1. Phân chia tài sản chung của ông Trần Việt H2 và bà Lâm H1 như sau:

- Giao cho ông Trần Việt H2 được sở hữu và sử dụng các tài sản gồm:

+ Căn nhà và đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ngày 30/10/2013, do ông Trần Việt H2 và bà Lâm H1 đứng tên, phần đất có diện tích được cấp là 102,5m^2, đo đạt thực tế là 166,4m^2, được ghi nhận tại thửa số 41, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C .. (nhà, đất có tổng giá trị là 2.000.000.000 đồng).

+ Và một phần của thửa đất diện tích được cấp 960m^2, đo đạc thực tế là 1.033,6m^2, thuộc thửa số 572, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Cái Đôi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/11/2020, do ông Trần Việt H2 đứng tên có vị trí, kích thước cách đo như sau:

Mặt tiền tiếp giáp đường Phan Ngọc Hiển đo từ điểm M1 thẳng qua M2 có độ dài 6,025m (Gọi là điểm M1’); Mặt hậu đo từ điểm M4 thẳng qua M3 có độ dài 6,01m (Gọi là điểm M4’); Chiều dài cạnh M1M4 dài 43,22m; Cạnh M1’M4’ dài trong phạm vi của bản trích đo hiện trạng.

- Giao cho bà Lâm H1 được sở hữu và sử dụng tài sản gồm: Số tiền 1.000.000.000 đồng (là giá trị 1/2 căn nhà cùng phần đất thuộc căn nhà tọa lạc tại Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C .)

+ Và một phần của thửa đất diện tích được cấp 960m^2, đo đạc thực tế là 1.033,6m^2, thuộc thửa số 572, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Cái Đôi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất vào ngày 26/11/2020, do ông Trần Việt H2 đứng tên có vị trí, kích thước cách đo như sau:

Mặt tiền tiếp giáp đường Phan Ngọc Hiển đo từ điểm M1’ thẳng qua M2 có độ dài 6,025m (Gọi là điểm M1’’); Mặt hậu đo từ điểm M4’ thẳng qua M3 có độ dài 6,01m (Gọi là điểm M4’’); Chiều dài cạnh M1’M4’; Cạnh M1’’M4’’ dài trong phạm vi của bản trích đo hiện trạng.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Văn T: Buộc ông Trần Việt Hồng và bà Lâm H1 hoàn trả cho ông T ½ diện tích phần đất được cấp 960m^2, đo đạt thực tế là 1.033,6m^2, thuộc thửa số 572, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Cái Đôi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/11/2020, do ông Trần Việt H2 đứng tên có vị trí, kích thước cách đo như sau:

Mặt tiền tiếp giáp đường Phan Ngọc Hiển đo từ điểm M1’’ thẳng qua M2 có độ dài 12,05m; Mặt hậu đo từ điểm M4’’ thẳng qua M3 có độ dài 12,02m; Chiều dài cạnh M1’’M4’’ trong phạm vi của bản trích đo hiện trạng; Cạnh M2M3 dài 42,92m. (Trên cơ sở của bản trích đo hiện trạng ngày 09/6/2022 pho tô kèm theo).

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền về cấp QSDĐ để đăng ký xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo phân chia đất nêu trên.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà Lâm H3 về việc yêu cầu ông Trần Việt H2 và bà Lâm H1 trả 50 chỉ vàng 24K.

4. Về chi phí tố tụng tổng cộng là 51.772.316 đồng. Bà H1, ông H2 mỗi người phải chịu 25.886.158 đồng. Bà H1 đã nộp thanh toán toàn bộ số tiền này, nên ông H2 phải hoàn trả cho bà H1 25.886.158 đồng.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Hồng được miễn nộp án phí.

+ Bà H1 phải chịu 57.120.000 đồng áp phí chia tài sản chung và 21.120.000 đồng án phí trả đất cho ông T, ngày 16/7/2021 bà đã nộp tạm ứng 21.108.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0012566, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được đối trừ bà H1 phải nộp tiếp số tiền 57.122.000 đồng.

+ Ông Lâm Văn T không phải chịu, ngày 21/4/2022 ông đã nộp tạm ứng số tiền 7.500.000 đồng, tại lai thu số 0017795, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được nhận lại.

+ Bà Lâm H3 đã nộp tạm ứng án phí tổng số tiền là 6.875.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0017796, ngày 21/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được chuyển thu.

- Án phí phúc thẩm: Ông T không phải chịu, ngày 03/10/2023 ông đã dự nộp số tiền 300.000đ theo lai thu số 19186 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được hoàn lại. Ông H2 được miễn nộp.

Kể từ ngày bà H1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H2 chậm trả số tiền trên thì ông còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).